

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

I. KIỂM TRA ĐỌC

1. Đọc thành tiếng các âm: d, s, m, qu, ngh, kh.
2. Đọc thành tiếng các vần: ua, ôi, ia, ây, uôi, uoi.
3. Đọc thành tiếng các từ ngữ: ngày hội, tuổi thơ, nghỉ ngơi, cua bể, nhà ngói, tươi cười.
4. Đọc thành tiếng các câu sau:
 - Cây bưởi sai trĩu quả .
 - Gió lùa qua khe cửa.
5. Nối ô chữ cho phù hợp (3 điểm)

cò

đố bé chữ

bố

tha cá

dì na

xe

II. KIỂM TRA VIẾT: (GV đọc và hướng dẫn HS viết từng chữ)

1. Âm: m : l, m, ch, tr, kh.

2. Vần : ui, ia, oi, ua, uôi.

3. Từ ngữ: nô đùa, xưa kia, thối còi

4. Câu: bé chơi nhảy dây.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 2

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

I/ KIỂM TRA ĐỌC:

1. Đọc thành tiếng:

a. Đọc các vần: ong, ông, eng, iêng, uông, ương, ăm, âm, om, ôm, im, em.

b. Đọc các từ ngữ: Cái vông, măng tre, bông súng, quả chùng, làng xóm.

c. Đọc câu: Quê em có dòng sông và rừng tràm.

Con suối sau nhà rì rầm chảy.

2. Đọc hiểu:

a. Nối ô chữ cho phù hợp:

Sóng vỗ		bay lượn
Chuồn chuồn		rì rào

b. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống.

?

eng hay iêng : Cái x; bay l.....

/

.

ong hay âng : Trái b.....; v.....lời?

II. KIỂM TRA VIẾT:

1. Viết vần: om, am, ăng, em, iêng, ong, uông.

2. Viết từ: nhà tầng, rừng hươu, củ riềng, cành chanh, nuôi tằm, con tôm.

3. Viết câu: Vàng trắng hiện lên sau rặng dừa.

Đàn dê cắm cúi gặm cỏ trên đồng.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 3

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

Phần A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng - 6 điểm

1. Đọc vần:

en	ương	ôm	ươu	iu	at	iêu	au	uru	ưng
on	iêm	ân	âm	ôn	ơn	im	ên	yêm	ot
iên	ênh	ât	ươn	eng	ắt	ăng	et	yên	uôm
ăn	iêng	êr	om	ang	anh	inh	an	uông	am
yêu	ot	uôn	ơm	ut	um	urt	êu	ôt	un

2) Đọc từ:

câu cá	gió bão	lú lo	già yếu	trái lựu	con đò
khăn rằn	ôn bài	đế mèn	con lươn	hồ sen	xe tăng
rau ngót	lương khô	bánh mì	con kên	cái cưa	rơm rạ
trẻ em	mũm mĩm	âu yếm	gỗ keng	lá lốt	con vịt

3) Đọc câu:

Trong vòm lá mới chồi non
 Chùm cam bà giữ vẫn còn đung đưa
 Quả ngon dành tận cuối mùa
 Chờ con, phần cháu bà chưa trả vào

II. Đọc hiểu - 4 điểm(10 phút):

1. Nói (1,5 điểm)

Bé luôn luôn

ngồi trong lòng mẹ.

Trong phố

nghe lời thầy cô.

Chú bé

Có nhiều nhà cao tầng.

2. Điền vào chỗ chấm (2,5 điểm)

a. Điền c hay k ?

.....áiéo

.....ua bể

b. Điền anh hay inh ?

tinh nh

k sợ

Phần B. Kiểm tra viết -10 điểm(30 phút) (Học sinh viết vào giấy ô ly)

Giáo viên đọc cho học sinh viết:

ôi, in, âm, iêng, êu, eo, anh, ong, ắt, iết, uôm, yêu, ươn, êt, an, ơt, um, ươu, ơn, ung, yêm, at, âu, uông

Con suối sau nhà rì rào chảy. Đàn dê cắm cúi gặm cỏ bên sườn đồi.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 4

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

I. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng: (7 điểm)

a. Đọc thành tiếng các vần sau:

ua, ôi, uôi, eo, yêu, ăn, ương, anh, om, ât

b. Đọc thành tiếng các từ sau:

khách sạn, cá mập, đại bàng, dừa chuột

c. Đọc thành tiếng các câu sau:

HOA MAI VÀNG

Nhà bác khá thật lắm hoa, có vài trăm thứ, rải rác khắp cả khu đất. Các cánh hoa dài ngắn, đủ sắc xanh đỏ trắng vàng, đủ hình đủ dạng.

Mai thích hoa đại, hoa nhài, hoa mai, nhất là hoa mai vàng.

2. Đọc hiểu: (3 điểm)

a. Nối ô chữ cho phù hợp

Chị ngã

nhụy

Vạn sự

em nâng

Mưa thuận

gió hoà

b. Điền vần ua hoặc vần ưa vào ô trống: (1 điểm)

Lưỡi c.... Trời m.... Con c....

II. Kiểm tra viết: Thời gian 40 phút (10 điểm)

(Giáo viên đọc từng tiếng học sinh viết vào giấy ô ly)

1. Viết vần:

oi, ao, ươi, ây, iêm, ôn, uông, inh, um, ăt.

2. Viết các từ sau:

cá thu, vàng trắng, bò câu, gập ghềnh

3. Viết bài văn sau:

NHỚ BÀ

Bà vẫn ở quê. Bé rất nhớ bà.

Bà đã già, mắt đã loà, thế mà bà đan lát, cạo rổ, cạo rá bà tự làm cả. Bà vẫn rất ham làm.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 5

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

A. PHẦN ĐỌC: 10 điểm

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

(GV gọi từng em học sinh lên bảng cầm giấy đọc theo yêu cầu)

1. Đọc thành tiếng các vần:

oi am iêng ut

2. Đọc thành tiếng các từ ngữ:

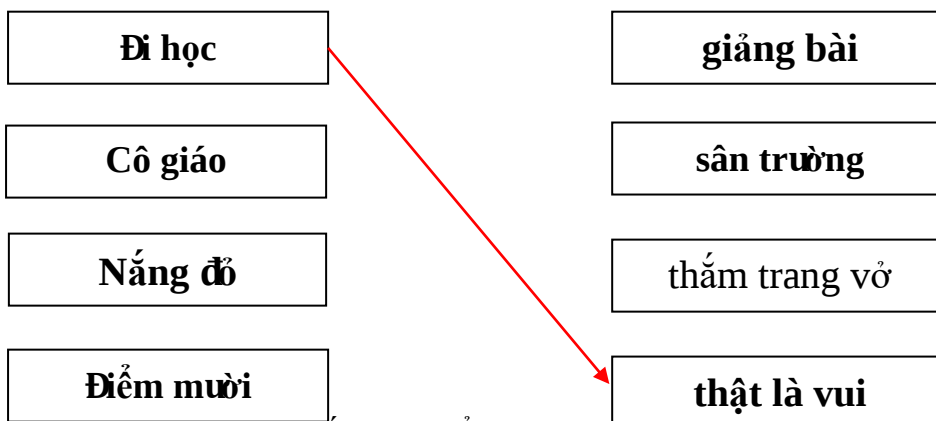
bố mẹ quê hương bà ngoại già yếu

3. Đọc thành tiếng các câu:

Đi học thật là vui. Cô giáo giảng bài. Năng đỏ sân trường. Điểm mười tám trang vở.

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

1. Nối câu (theo mẫu): 3 điểm.



2. Điền vần ua hoặc vần uo vào ô trống: (1 điểm)

Lưỡi c....

con c....

B. PHẦN VIẾT: 10 ĐIỂM

Tập chép

(Giáo viên viết lên bảng bằng chữ viết thường mỗi phần viết một dòng, học sinh nhìn bảng và tập chép vào giấy ô ly)

1. Các vần: (3 điểm)

ay eo uôm iêng ưt êch

2. Các từ ngữ: (4 điểm)

bàn ghế bút mực cô giáo học sinh

3. Câu: (3 điểm)

Làng em vào hội công chiêng

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 6

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a- Đọc thành tiếng các vần sau:

an, eo, yên, ương, ươt

b- Đọc thành tiếng các từ ngữ:

rặng dừa, đỉnh núi, sương mù, cánh bướm, trang vở

c- Đọc thành tiếng các câu sau:

Chim én tránh rét bay về phương nam. Cả đàn đã thám mệt nhưng vẫn cố bay theo hàng.

d- Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống :

- ươn hay ương : con l..... ; yêu

- ắt hay ăc : cháu ch; / m..... áo.

2. kiểm tra viết (10 điểm)

a. Viết 5 vần : uôm, ênh, ăng, ân, ươu thành một dòng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Viết các từ sau thành một dòng :

đu quay, thành phố, bông súng, đình làng

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Viết các câu sau :

bay cao cao vút

chim biến mất rồi

chỉ còn tiếng hót

làm xanh da trời

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 7

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

*Thời gian làm bài 60 phút***Phần đọc thành tiếng**

Câu 1/ Đọc thành tiếng các vần sau: 2đ

on iêng ươt im ay

Câu 2/ Đọc thành tiếng các từ ngữ sau: 2đ

cầu treo cá sấu dừa xiêm cười ngựa kì diệu

Câu 3/ Đọc thành tiếng các câu sau: 2đ

Những bông cải nở rộ, nhuộm vàng cả cánh đồng.

Trên trời bướm bay lượn từng đàn .

Phần viết

Câu 1/ Đọc cho học sinh viết các vần (2đ)

âm ươn ong ơt ênh

Câu 2/ Đọc cho học sinh viết các từ ngữ (4 đ)

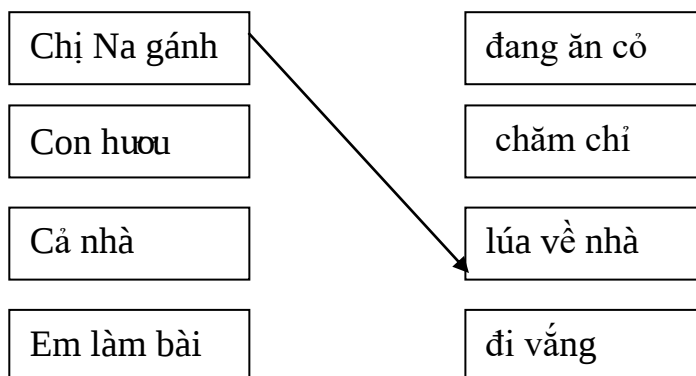
rừng tràm hái nấm lưỡi xẻng chẻ lạt xin lỗi

Câu 3/ Tập chép (4đ)

Ban ngày, sẽ mãi đi kiếm ăn cho cả nhà. Tối đến sẽ mới cỡ thời gian âu yếm đàn con.

Phần Đọc hiểu

Câu 1/ Nối ô chữ cho phù hợp: 2đ



Câu 2 / Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống : 2đ

oi hay ơi: làn kh ... cây c...

ăm hay âm : ch ... chỉ m ... cơm

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 8

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

1/ GV coi thi cho học sinh lên bảng đọc các vần sau: (3đ)

Ôm iên uông ung ăng anh

2/Gv cho học sinh đọc các từ sau (3đ)

- Chó đốm Rau muống Canh chanh

- Trung thu Phẳng lặng Viên phấn

3/GV cho học sinh đọc các câu sau (4đ)

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 9

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

A/ KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG: (7 điểm)

1. Đọc các vần:

Ua, ưu, uou, ong, uông, anh, inh, uôm, ot, ôt.

2. Đọc các từ:

Mũi tên, mưa phùn, viên phấn, cuộn dây, vườn nhãn, vòng tròn, vàng trắng, bay liêng, luống cày, đường hầm.

3. Đọc các câu:

+ Những bông cải nở rộ nhuộm vàng cả cánh đồng.

+ Trên trời, bướm bay lượn từng đàn.

II. ĐỌC HIỂU: (3 điểm)

* Đọc thầm và làm bài tập: Nối các từ ở cột A với các từ ở cột B để tạo thành cụm từ có nghĩa.

A/	Vườn nhãn	B/	Đều cố gắng
	Từng đàn		Tung bôm
	Ngựa phi		Bướm bay lượn
	Bé và bạn		Sai trĩu quả

B/ KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Viết cá từ: ghé đệm, nhuộm vải, sáng sớm, đường hầm (7 điểm)

2. Làm các bài tập: (3 điểm)

Chọn vần, phụ âm đầu thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ

ong hay ông: con cây th.....

b. Chọn phụ âm đầu x, s, ng, nh thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)

Láene đạp.ĩ ngờiửi mùi.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 10

MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

I. Phần kiểm tra đọc (10 đ)**1. Đọc vần: (2 đ)**

- âu, ôn, oi, ia, ua.
- Ấy, ươi, iu, âu
- Eo, ay, êu, iên, ut
- Ưu, iêu, ung, inh, ênh
- An, ăn, un, ươu, ưu

2. Đọc thành tiếng các từ (2 đ)

- rổ rá, nhỏ cỏ, gồ ghề, giỏ cá mùi thơm, con vượn.
- mua mía, tría đỗ, mùa dưa, đôi dừa, cối xay, vây cá.
- cái kéo, chào cờ, trái đào, sáo sậu, vườn nhãn.

3. Đọc thành tiếng các câu (2 đ)

Sau cơn mưa. Gà mẹ dẫn đàn con đi kiếm ăn.

4. Nối ô chữ cho thích hợp (2 đ)

Siêng	làng
Trường	năng

5. Điền vần thích hợp vào chỗ chấm (2 đ)

- om hay am số t..... ông nh.....
- im hay um râu k ch nhãn.

II. PHẦN KIỂM TRA VIẾT:

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 11
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a/ Đọc thành tiếng các vần:

âu, an, ung, om, ươn

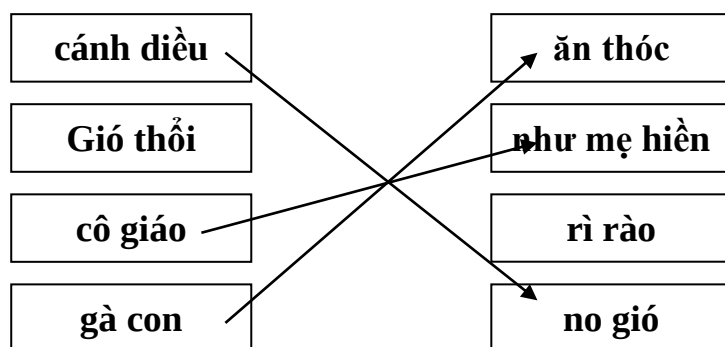
b/ Đọc thành tiếng các từ ngữ:

mái ngói, cây cau, khen thưởng, bông súng, chuối chín

c/ Đọc thành tiếng các câu:

Mùa hè vừa đến, phượng vĩ trở bông tô đỏ sân trường. Các bạn bẻ xuống làm bướm bay trong vở.

d/ Nối ô chữ cho phù hợp:



e/ Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

- ôi hay ơ: gối, bó r.....

- uôn hay uông: quả ch....., b..... bán

2/Kiểm tra viết (10 điểm)

a/ Vần: ui, âu, anh, ươn, iêt

b/ Từ ngữ: dòng kênh, cây bàng, măng tre, hươu nai

c/ Câu:

Gió từ tay mẹ

Ru bé ngủ say

Thay cho gió trời

Giữa trưa oi ả

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 12
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1

Thời gian làm bài 60 phút

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

1. Đọc vần (2 điểm): Học sinh đọc sai mỗi vần trừ 0,1 điểm

ay	uôn	ươn	iu	ưu	ươu	iên	uôm	ươm	iêt
ân	uôt	ang	anh	iêng	ưng	ênh	eng	yêm	ương

2. Đọc từ ngữ (2 điểm) Học sinh đọc sai, ngọng mỗi từ ngữ trừ 0,5 điểm

muru trí nhà rông bầu rượu buôn làng

3. Đọc đoạn, bài (3 điểm) Học sinh đọc sai mỗi tiếng trừ 0,2 điểm và tùy mức độ đọc của học sinh mà giáo viên cho điểm phù hợp.

Những bông cải nở rộ nhuộm vàng cả cánh đồng. Trên trời, bướm bay lượn từng đàn.

II. Bài tập (3 điểm) Thời gian 15 phút

Bài 1. (1 điểm) Đúng điền đ, sai điền s vào ô trống

chim iến	☐	ghế đệm	☐
nóng nực	☐	cái ciềng	☐

Bài 2. (1 điểm) Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp

Rửa tay sạch	học môn Tiếng Việt.
Bé rất thích	bán hoa.
Mẹ đi chợ	chưa chín.
Quả gấc	trước khi ăn cơm.

Bài 3. (1 điểm) Điền s hay x vào chỗ chấm thích hợp

nước ...ôi đĩa ...ôi

B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (9 điểm) Thời gian 20 phút

Giáo viên đọc cho học sinh viết 10 vần đầu và đoạn văn bài 3.

Chữ viết, trình bày 1 điểm

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 13
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng (6đ).

II. Bài tập: (4đ)

1. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống: (2đ)

+ uôm hay uôn : *nắng nh..... vàng* ; *l..... lách*

+ iên hay iêng : *bay l.....; h..... ngang.*

2. Điền ng hay ngh: vào chỗ chấm:.....e.....óng;ĩ.....ọi.

3. Nối ô chữ tạo thành câu cho phù hợp : (2đ)

Vườn cải nhà em
Đàn sẻ
Bữa cơm trưa
Con suối

đi kiếm mồi
ngon miệng
nở rộ
chảy rì rầm

B. Kiểm tra VIẾT

1/Viết chính tả (5đ).

Em tự chép lại bốn câu văn ở bài tập 3 cho đúng

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 14**MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1***Thời gian làm bài 60 phút***I. Kiểm tra đọc (10 điểm)****A. Đọc thành tiếng (6 điểm)****B. Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)****1/ (2 điểm) Nói ô chữ cho phù hợp:****Cánh đồng****lưu lo****Chim hót****bát ngát****Lá cờ****gợn sóng****Mặt hồ****đỏ thắm****2. (2 điểm) Chọn vần, phụ âm đầu thích hợp điền vào chỗ trống:****a. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)****- ong hay ông : con; cây th.....****- iên hay iêng : Hà T ; Sầu r****b. Chọn phụ âm đầu x, s, ngh, ng thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)****- Láen ,e đập.****-ĩ ngợi ,ửi mùi.****II. Kiểm tra viết (10 điểm)****a. Vần: iêu, uông, anh, iệt, ac.****b. Từ ngữ: thanh kiếm, kết bạn, đường hầm, hiểu biết****c. Câu:**

Không có chân có cánh

Sao gọi là con sông?

Không có lá có cành

Sao gọi là ngọn gió?

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần:

an, oi, yên, inh, ương

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ:

mặt trời, ngọn sóng, sương mù , cánh bướm , trang vở

c) Đọc thành tiếng các câu sau:

Mặt trời đã lên cao. Lúa trên nương chín vàng. Trai gái bản mường cùng vui vào hội.

d) Nói ô chữ cho phù hợp:

Bông hồng Giảng bài

Trăng rằm Trèo cây
cau

Con mèo Thơm
ngát

Cô giáo Sáng tỏ

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

- **ăt hay ât: ph.....'.... cò , g..... lúa**
- **iên hay iêm: v..... phần , lúa ch.....**

2. Kiểm tra viết:

a) vần:

oi, ua, ong, iêm, uôt

b) Từ ngữ:

thành phố , đu quay , trăng rằm , cánh diều

c) Câu:

bay cao cao vút

chim biến mất rồi

chỉ còn tiếng hót

làm xanh da trời

Đề 16:

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng các vần:

ai, eo, uôn, anh, ươt

b) Đọc thành tiếng các từ ngữ:

rặng dừa , đỉnh núi, quả chuông, con đường, rừng tràm

c) Đọc thành tiếng các câu sau:

Chim én tránh rét bay về phương nam. Cả đàn đã thấm mệt nhưng vẫn cố bay theo hàng.

d) Nói ô chữ cho phù hợp:

Tiếng song

Thăng bằng

Đường cày

Hiện lên

Vàng trắng

Gợn sóng

Mặt hồ

Rì rào

e) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

-ăm hay âm: nong t....`.... , hái n....'....

-ươn hay ương: v.....`.... rau , mái tr.....`.....

2. Kiểm tra viết:

a) vần:

yêu, uôm, ăng, ênh, uôt

b) Từ ngữ:

thung lũng , dòng kênh, bông súng, đình làng

c) Câu:

con gì có cánh
mà lại biết bơi
ngày xuống ao chơi
đêm về đẻ trứng